

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17/6/2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Gầm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thu Trang.

2. Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thùy T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Th, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2020, bản khai nguyên đơn chị Phạm Thị Thùy T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn C tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th, tỉnh Bến Tre vào ngày 13/10/2016. Sau khi kết hôn chị và anh C sinh sống ở thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng sau đó vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đã xảy ra mâu thuẫn. Chị và anh C đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Hiện tại mỗi người đã có cuộc sống riêng nên chị không còn tình cảm với anh C và không muốn tiếp tục cuộc hôn nhân này nữa nên xin được ly hôn.

Về con chung: Giữa chị và anh C có 01 con chung tên là Nguyễn Phạm Thiên K, sinh ngày 14/9/2016, hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh C cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Về nợ chung: Chị và anh C không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị Thùy T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị T và anh C tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại xã T, huyện Th, tỉnh Bến Tre vào ngày 13/10/2016. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị T cho rằng sau khi kết hôn, sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã phân tích, động viên nhưng chị T khẳng định chị đã không còn tình cảm với anh C nên xin được ly hôn. Xét thấy, tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình...". Đối chiếu với quy định trên thì giữa chị T và anh C đã có xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn, anh chị đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Đối với anh C, từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải cho anh C nhưng anh C vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh C. Qua đó cũng thể hiện việc anh C không mong muốn được hòa giải đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh C đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Giữa chị và anh C có 01 con chung tên là Nguyễn Phạm Thiên K, sinh ngày 14/9/2016. Chị T yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000đ. Xét thấy trong suốt quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, anh C không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con. Hơn nữa, hiện tại cháu Thiên K đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo sự phát triển của con về mặt thể chất và tinh thần nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Thiên K cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con" và chị T cũng có yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000đ là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị T không tranh chấp, về nợ chung chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T và anh C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Thùy T. Chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm Thiên K, sinh ngày 14/9/2016 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Buộc anh Nguyễn Văn C phải cấp dưỡng cho cháu Thiên K mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 17/6/2020.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không tranh chấp, về nợ chung chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Thùy T phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0011317 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CCTHADS huyện Giồng Trôm;
- UBND xã T,
huyện Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Gấm